

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*

1. Phật giáo thời đại Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần, nhất là thời đại Lý - Trần, đã để lại cho lịch sử dân tộc ta những bài học quý giá về việc nhà nước phong kiến nghiên cứu và ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo vào xây dựng và phát triển đất nước.

Lịch sử nhà nước và pháp quyền Việt Nam cũng như thế giới cho thấy, nhà nước nào cũng phải dựa trên một nền tảng tư tưởng để tổ chức xã hội. Nếu như thời Lê - Nguyễn, hệ tư tưởng chủ đạo của nhà nước phong kiến Việt Nam là Nho giáo thì thời Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần, hệ tư tưởng căn bản dựa trên tư tưởng Phật giáo.

Trong điều hành chính sự, tư tưởng cứu nhân, độ thế, từ bi, hỉ xả, xá tội của Phật giáo được quán triệt khá sâu sắc trong thời đại Lý - Trần. Trước hết, nó thể hiện trong lập pháp và hành pháp. Tiếp đó là những việc làm xá tội phạm nhân, xá tô thuế lao dịch, thương yêu người già, trẻ em.

Thời Lý, tội giết người chỉ bị phạt tử hình và tội đồ, khiến nhà sử học Ngô Sĩ Liên phê phán: “Giết người thì phải tử hình, đó là luật pháp thời xưa, chứ đâu lại có đánh người đến chết mà chỉ xử nhẹ vào tội phạt tử hình và tội đồ”.

Mùa hạ, tháng 4 năm 1065, vua Lý Thánh Tông ngự ở điện Thiên Khánh xét kiện. Khi ấy công chúa Đông Thiên hầu bên cạnh. Vua chỉ vào công chúa bảo ngục lại rằng: “Ta yêu con ta như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu

* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo

biết mà mắc vào hình pháp, trầm rất thương xót. Từ nay về sau không cứ tội gì nặng nhẹ đều nhất loạt khoan giảm”⁽¹⁾.

Hình phạt thời Trần *nghiêm* nhưng vẫn *lượng hình* ngay cả với kẻ làm tay sai cho giặc và bọn xâm lược hung hãn.

Hàng loạt sự kiện xá tội phạm nhân, giảm tô thuế,... của các triều đại Lý - Trần được phản ánh trong các bộ sử cũ như: *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Cương mục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*. Chính sách nhân đạo này rõ ràng có nguồn gốc sâu xa từ Phật giáo.

Nếu như thời đại Đinh - Tiền Lê - Lý, triều đình phong kiến nhờ cậy vào sự giúp rập cụ thể của các thiền sư thì nhà Trần lại xuất hiện những ông *Vua - Phật*. Trần Thái Tông là một vị minh quân, năm 1236, bỏ ngai vàng lên núi Yên Tử (Quảng Ninh) toan đi tu. Thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, Trần Thái Tông là ông vua tiêu dao, tự tại. Điều này khiến ông làm vua nhưng không tham quyền hành, cố vị, không tham phú quý. Nhà vua là người thông tuệ kinh điển Phật giáo. Đến thời Trần Nhân Tông, không ai cản được vị vua này xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên Tử, năm 1299, lấy hiệu là Hương Vân Đầu Đà, sau đổi là Trúc Lâm Đầu Đà. Nhà vua thuộc thế hệ thứ sáu của Thiên phái Yên Tử và là tổ thứ nhất của Thiên phái Trúc Lâm. Các vị vua thông tuệ kinh điển đã là người ứng dụng một cách tốt nhất các giá trị văn hoá Phật giáo vào việc điều hành chính sự, cai quản bách tính khiến cho nhà Trần trở thành một trong những triều đại sáng bừng trong lịch sử dân tộc.

Thời Lê - Nguyễn, nhà nước phong kiến lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng trị nước, nên Phật giáo lui về dân gian. Song những tư tưởng của Phật giáo như khoan hoà, nhân ái được tạo ra từ những thời kì trước vẫn là mạch ngầm thấm vào nền tảng chính trị của hai vương triều này. Phật giáo được sử dụng vào việc cố kết làng xã. Nếu như giới Nho sĩ khai thác, sử dụng tư tưởng Nho giáo thì người dân ở làng quê chủ yếu vẫn sống bởi những giá trị của Phật giáo. Họ không bị nhà nước cấm đoán hay trừng phạt. Nhà Lê khai khẩn, lập làng mới ở vùng ven biển Bắc Bộ, nhà Nguyễn mở đất Phương Nam đều khuyến khích lập chùa nhằm cố kết cộng đồng.

Nguyễn Công Trứ, một đại nho thần dưới triều vua Minh Mạng. Ông được vua Minh Mạng giao cho việc chiêu mộ dân khai khẩn lập ra 2 huyện Tiên Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình). Sở dĩ đạt được những thành tựu như vậy vì ông không chỉ biết tổ chức khai hoang, phát triển kinh tế mà còn biết cố kết nhân tâm qua các việc làm: *khơi sông, mở chợ, dựng chùa*.

Như vậy, các nhà nước phong kiến Lê - Nguyễn vẫn tiếp tục ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo để xây dựng và phát triển đất nước.

2. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mà người sáng lập là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Là một người cộng sản chân chính, là anh hùng giải phóng dân tộc, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là danh nhân văn hoá. *Có một tư*

tưởng Hồ Chí Minh về Phật giáo. Tư tưởng ấy bắt nguồn từ truyền thống gia đình, từ quê hương, từ nền tảng văn hoá dân tộc và từ chính sự trải nghiệm cuộc đời của Người. Không như vua Trần xuất gia, lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, nhưng Hồ Chí Minh là người am hiểu sâu sắc tư tưởng của Phật giáo. Trong *Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam* (15 tháng 7 âm lịch năm 1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đức Phật là đại từ bi, cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hi sinh tranh đấu diệt lũ ác ma”⁽²⁾. Những tư tưởng Phật giáo như từ bi, cứu khổ cứu nạn, lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha được Hồ Chí Minh nhắc đến nhiều lần mỗi khi có dịp tiếp xúc với tăng ni, Phật tử. Nhờ am tường sâu sắc những tư tưởng của Phật giáo mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, với cương vị vừa là lãnh tụ của Đảng vừa là lãnh tụ của dân tộc, đã biết vận dụng, kế thừa vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, Đảng ta trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là từ khi bước vào công cuộc đổi mới toàn diện phát triển đất nước, đã và đang nghiên cứu, ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo để phát triển đất nước. Sự kiện đánh dấu có tính bước ngoặt là năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24-NQ/TW về *Công tác tôn giáo*. Nghị quyết xác định: “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”.

Một văn kiện không thể không kể đến đó là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Trong Nghị quyết, một trong những chính sách được Đảng ta đề ra là *Chính sách văn hoá đối với tôn giáo*. Nội dung cụ thể là:

“Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của dân, bảo đảm cho các tôn giáo hoạt động bình thường trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, lương thiện,... trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu.

Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, giúp đỡ đồng bào theo đạo xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, xây dựng môi trường văn hoá, thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc”⁽³⁾.

Những quan điểm và chính sách về tôn giáo nêu trên của Đảng đã mau chóng đi vào cuộc sống và có những tác dụng thiết thực trong công cuộc phát triển đất nước. Điều này được Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về *Công tác Tôn giáo* khẳng định:

“Thực hiện Nghị quyết của Đảng, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đạt được nhiều tiến bộ.

Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật. Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Các ngành, các cấp đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị ở các vùng đồng bào tôn giáo, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước”⁽⁴⁾.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành trong điều kiện công cuộc đổi mới, trong đó có đổi mới về chính sách tôn giáo trải qua 20 năm. Trên cơ sở những thành tựu đạt được và những vấn đề đặt ra về tôn giáo trong tình hình mới, quan điểm của Đảng về tôn giáo là: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Động viên giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân”⁽⁵⁾.

3. Nghiên cứu và ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo phục vụ cho việc phát triển đất nước hiện nay không nằm ngoài đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo. Song do đặc thù của Phật giáo mà việc nghiên cứu và ứng dụng có những nét riêng. Nét riêng biệt ở đây được thể hiện bởi chính những giá trị văn hoá của Phật giáo. Đó là:

Phật giáo truyền bá vào nước ta từ đầu Công nguyên và tồn tại cho đến ngày nay. Trong suốt tiến trình lịch sử, Phật giáo luôn gắn bó với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc. Trong cơ tầng văn hoá Việt truyền thống và hiện tại đều chứa đựng hàm lượng văn hoá Phật giáo. Vì vậy, việc nghiên cứu và ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo vào việc phát triển đất nước hiện nay, theo chúng tôi, cần tập trung vào những nội dung sau đây:

Một là, giữ gìn và phát huy văn hoá Phật giáo phục vụ cho mục tiêu giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Văn hoá Phật giáo ở nước ta bao gồm văn hoá vật thể và phi vật thể. Trên đất nước ta hiện đang tồn hàng nghìn ngôi chùa, trong đó có hàng trăm danh lam cổ tự có giá trị văn hoá - nghệ thuật. Trong chùa là tượng Phật. Nhiều pho tượng Phật đẹp nổi tiếng có tuổi đời hàng trăm năm, thậm chí trên nghìn năm tuổi, thể hiện tài hoa điêu khắc của cha ông ta. Đó là tượng A Di Đà chùa Phật Tích (Bắc Ninh), tượng Tuyết Sơn chùa Tây Phương (Hà Tây), tượng Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn chùa Mễ Sở (Hưng Yên) và chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), bộ tượng La Hán chùa Tây Phương (Hà Tây), v.v...

Lễ hội Phật giáo ở nước ta diễn ra ở nhiều cấp độ, có cấp độ quốc gia như lễ hội Yên Tử, đặc biệt là lễ hội Chùa Hương (đây cũng là lễ hội dài ngày nhất, kéo dài trong 3 tháng), có cấp độ vùng hay liên làng, và lễ hội chùa làng. Lễ hội Phật giáo là nơi cổ kết cộng đồng, nơi lưu tồn nhiều giá trị văn hoá làng xã.

Trong thời gian tới, Nhà nước cần quan tâm hơn tới việc bảo tồn, tôn tạo các danh lam cổ tự. Với lễ hội là việc đấu tranh phê phán, đẩy lùi nạn buôn thân, bán thánh và những việc làm vắn đục những giá trị văn hoá của lễ hội Phật giáo. Việc phá bỏ hơn 40 cái gọi là cơ sở thờ tự do các cá nhân tự tạo ra ở khu di tích Chùa Hương phá huỷ cảnh quan nơi đây và nhằm trục lợi của chính quyền các cấp tỉnh Hà Tây là một ví dụ sinh động cho việc làm này.

Tiếp tục chính sách xã hội hoá động viên các nguồn lực tài chính để tu bổ, tôn tạo chùa cảnh.

Do làm tốt công tác bảo vệ nên những năm gần đây nạn trộm cắp và chảy máu cổ vật về cơ bản đã được ngăn chặn.

Hai là, vận dụng tư tưởng từ bi, hỷ xả, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo vào giải quyết một số vấn đề xã hội.

Đó trước hết là việc kêu gọi tăng ni, Phật tử phát tâm công đức làm các công việc từ thiện bác ái: nuôi dạy trẻ mồ côi, nuôi người già không nơi nương tựa, mở lớp học tình thương, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa, v.v...

Nêu cao vai trò của tăng ni trong việc hoà giải những vụ việc dân sự, trong việc khuyên răn Phật tử làm điều thiện, tránh điều ác, xây dựng đời sống văn hoá, tham gia phong trào “xoá đói, giảm nghèo”.

Phật giáo Việt Nam mang tính nhập thế vì vậy, Đảng và Nhà nước cần tạo những điều kiện tốt nhất để tăng ni, Phật tử tham gia vào công cuộc xây dựng phát triển đất nước theo tinh thần “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” và “sống tốt đời, đẹp đạo”.

Ba là, vận dụng tư tưởng kinh tế Phật giáo để phát triển kinh tế Việt Nam.

Tư tưởng kinh tế Phật giáo là tôn trọng môi trường. Kinh tế Việt Nam trong thời đại ngày nay phải được phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu và ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay chính là chúng ta kế thừa và phát huy một mảng tiềm năng văn hoá của dân tộc, là thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh về Phật giáo(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5/2008

1. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội 1985, tr. 232.
2. *Hồ Chí Minh về vấn đề Tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội 1998, tr. 200.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 66-67.
4. Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006.